

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Kiềm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Võ Đại Minh-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973, vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đ, sinh năm 1970, vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Số 960 đường QT, tổ 17, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-5-2019, bản tự khai ngày 13-6-2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Đ tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 16-5-1994. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông Đ thường uống rượu, bia về gây gỗ, đánh đập đuổi bà ra khỏi nhà, xúc phạm gia đình bà, bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông Đ không thay đổi, vợ chồng không sống chung với nhau 15 năm nay. Nay bà không còn tình cảm với ông Đ nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Đ.

Về con chung: Bà và ông Võ Đ có 02 con chung là Võ Thị K, sinh ngày 22-7-1994 và Võ Đ, sinh ngày 15-3-1998 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, nên bà không yêu cầu giải quyết về 02 con chung này.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Võ Đ không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Đ tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 16-5-1994 là hợp pháp. Bà Đ cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng không đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông Đ thường uống rượu, bia về gây gỗ, đánh đập đuổi bà ra khỏi nhà, xúc phạm gia đình bà, bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông Đ không thay đổi, vợ chồng không sống chung với nhau 15 năm nay, nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Võ Đ. Bị đơn ông Đ không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày, cho thấy ông Đ không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra các chứng cứ và chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, lý do xin ly hôn của bà Đ chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ, bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Võ Đ.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông Đ có 02 con chung là Võ Thị K, sinh ngày 22-7-1994 và Võ Đ, sinh ngày 15-3-1998 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, nên bà không yêu cầu giải quyết về 02 con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đ phải chịu 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ ly hôn với ông Võ Đ.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Đ có 02 con chung là Võ Thị K, sinh ngày 22-7-1994 và Võ Đ, sinh ngày 15-3-1998 đã trên 18 tuổi, nên bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Đ đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001315 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND phường CL, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trà Thanh Tùng